

- Assist Reprod Genet. 2014;31(5):549-554. doi:10.1007/s10815-014-0215-2
5. **Ji G, Gu A, Wang Y, et al.** Genetic variants in antioxidant genes are associated with sperm DNA damage and risk of male infertility in a Chinese population. *Free Radic Biol Med.* 2011;52:775-780. doi:10.1016/j.freeradbiomed.2011.11.032
 6. **Bousnane NEH, May S, Yahia M, Abu Alhaja AA.** Association of CAT-262C/T with the concentration of catalase in seminal plasma and the risk for male infertility in Algeria. *Syst Biol Reprod Med.* 2017;63(5):303-310. doi:10.1080/19396368.2017.1318187
 7. **García Rodríguez A, de la Casa M, Johnston S, Gosálvez J, Roy R.** Association of polymorphisms in genes coding for antioxidant enzymes and human male infertility. *Ann Hum Genet.* 2019;83(1):63-72. doi:10.1111/ahg.12286
 8. **Hsieh Y-Y, Sun Y-L, Chang C-C, Lee Y-S, Tsai H-D, Lin C-S.** Superoxide dismutase activities of spermatozoa and seminal plasma are not correlated with male infertility. *J Clin Lab Anal.* 2002;16(3):127-131. doi:10.1002/jcla.10029
 9. **Savikina KG, Abd Ali AH, Shkurat TP, Lomteva SV, Karantysh GV.** Association of CAT C262T (rs1001179) polymorphism with male infertility: Meta-analysis. *Meta Gene.* Published online September 10, 2021:100974. doi:10.1016/j.mgene.2021.100974

NGHIÊN CỨU TỶ LỆ POLYP ĐẠI TRỰC TRÀNG UNG THƯ THEO KÍCH THƯỚC

Nguyễn Trường Sơn¹, Hoàng Mai Hương²,
Đỗ Khắc Trường³, Đinh Thanh Tuấn²

TÓM TẮT

Mục tiêu "Nghiên cứu mối liên quan giữa tuổi, hình ảnh nội soi với kích thước polyp đại trực tràng ung thư". **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu tiền cứu, mô tả, cắt ngang. Trên 284 bệnh nhân với 362 polyps bao gồm 13 polyp ung thư tại Bệnh viện Bạch mai, thời gian từ 8/2020 đến 8/2021. **Kết quả:** Tuổi trung bình của bệnh nhân polyp ung thư là 64 (nhỏ nhất 32, lớn nhất 85 tuổi). Trong nghiên cứu này kích thước polyps < 10mm không ghi nhận polyp ung thư. Kích thước trung bình polyp ung thư là 24,38 ± 9,87 mm (nhỏ nhất 10mm, lớn nhất 50mm). Polyps ung thư chủ yếu ở đại tràng sigma và trực tràng: 46,2% và 38,5%. Tỷ lệ polyps ung thư theo kích thước: 10 – 19mm 3,96%, 20 – 29mm 11,42% và ≥ 30mm 25%. 92,3% polyps ung thư ở bệnh nhân ≥ 40 tuổi. **Kết luận:** Polyp đại trực tràng được xem là tổn thương tiền ung thư, nên nội soi đại trực tràng tầm soát ung thư ở người ≥ 40 tuổi, kể cả người không có dấu hiệu chỉ điểm. Nên cắt polyp đại trực tràng, đặc biệt những polyps có kích thước ≥ 10mm.

Từ khóa: Nội soi đại tràng, polyp đại trực tràng.

SUMMARY

STUDY THE RATIO OF COLORECTAL CANCEROUS POLYPS ACCORDING TO THE SIZE OF POLYP

Aims "Study on the relationship of age,

endoscopic image with cancerous colorectal polyps according to the size of polyps". **Research Patients and methods:** A prospective, descriptive, cross-sectional study. Enroll 284 patients with 362 polyps including 13 cancerous polyps at Bach Mai Hospital, from 8/2020 to 8/2021. **Results:** The average age of patients with cancerous polyps was 64 (the youngest 32, the oldest 85 years old). In this study, polyp size < 10mm without cancerous polyps. Cancerous polyps mainly in the sigmoid colon and rectum: 46.2% and 38.5%. The average size of cancerous polyps is 24.38 ± 9.87mm (10mm minimum, 50mm maximum). The percentage of cancerous polyps according to size: 10-19mm 3.96%, 20-29mm 11.42%, and ≥ 30mm 25%. 92.3% cancerous polyps in patients ≥ 40 years old. **Conclusions:** Colorectal polyps are considered premalignant lesions, so colonoscopy to screen for cancer in people ≥ 40 years old, including those asymptomatic. Colorectal polyps should be removed, especially polyps ≥ 10mm.

Keywords: Colonoscopy, colorectal cancerous polyps.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Polyp đại trực tràng là phần nhô ra bất thường của niêm mạc vào trong lòng đại trực tràng¹, một bệnh lý phổ biến ở Việt Nam cũng như trên thế giới^{2,3}. Hầu hết các ung thư đại trực tràng được phát triển từ polyp tuyến của đại trực tràng, từ lúc nhỏ đến loạn sản và cuối cùng tiến triển thành ung thư. Do đó, polyp đại trực tràng được xem là tiền ung thư, đặc biệt với những polyp có kích thước lớn. Nội soi đại tràng cùng mô bệnh học của polyp cho chúng ta biết được vị trí, kích thước và bản chất của polyp, qua đó nhà lâm sàng đưa ra quyết định điều trị và tiên lượng một cách chính xác hơn. Vì vậy, chúng tôi nghiên cứu đề tài với mục tiêu: *Nghiên cứu mối liên*

¹Trung tâm Tiêu hóa – Gan mật, Bệnh viện Bạch mai,

²Trường Đại học Y Hà nội

³Bệnh viện Đa khoa Hưng Hà, Hưng yên

Chịu trách nhiệm chính: Nguyễn Trường Sơn

Email: Nguyentruongsonbm@yahoo.com

Ngày nhận bài: 3.8.2021

Ngày phản biện khoa học: 28.9.2021

Ngày duyệt bài: 5.10.2021

quan giữa tuổi, hình ảnh nội soi với kích thước polyp đại trực tràng ung thư.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Địa điểm nghiên cứu: Bệnh viện Bạch mai. Thời gian nghiên cứu: 8/2020 đến 8/2021.

2.2. Đối tượng nghiên cứu: Đối tượng nghiên cứu được chọn vào nghiên cứu thỏa mãn các điều kiện sau:

- Bệnh nhân được nội soi đại trực tràng
- Có kết quả mô bệnh học sau cắt polyp qua nội soi hoặc phẫu thuật
- Đồng ý tham gia nghiên cứu
- Tiểu cầu > 100.000 G/l, đông máu cơ bản bình thường.

2.3 Cỡ mẫu: Lấy mẫu thuận tiện 284 bệnh nhân, 362 polyp trong đó có 13 polyp ung thư đủ tiêu chuẩn lấy vào nghiên cứu.

2.4 Thiết kế nghiên cứu: Nghiên cứu tiền cứu, mô tả, cắt ngang.

2.5 Phương pháp nghiên cứu: Bệnh nhân

được khám lâm sàng, nội soi đại tràng theo qui trình do Bộ y tế ban hành bằng hệ thống máy nội soi Fujinon 600 (Nhật bản), polyp được làm mô bệnh học sau cắt polyp qua nội soi hoặc phẫu thuật, phân loại mô bệnh học của polyp theo tiêu chuẩn WHO 2020. Số liệu được thu thập và xử lý bằng phần mềm SPSS 16.0, tính tỷ lệ phần trăm, giá trị trung bình, độ lệch chuẩn, p có ý nghĩa thống kê khi p < 0,05.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Trong thời gian nghiên cứu từ 8/2020 đến 8/2021, 284 bệnh nhân với 362 polyp trong đó có 13 polyp ung thư.

3.1 Đặc điểm về giới và tuổi của nhóm nghiên cứu: Tuổi trung bình của nhóm nghiên cứu 55,32 ± 14,62, nhỏ nhất 13 và cao nhất 89 tuổi, phần lớn polyps gặp trên 40 tuổi với tỷ lệ 85,9%, tỷ lệ nam/nữ 1,2/1.

3.2 Mối liên quan giữa tuổi và kích thước polyp ung thư

Bảng 1: Mối liên quan giữa tuổi và kích thước polyp ung thư

Nhóm tuổi	Kích thước (mm)		10 - 19		20 - 29		≥ 30		Tổng	
	n	%	n	%	n	%	n	%	n	%
< 20	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
20 - 39	0	0	0	0	0	0	1	20	1	7,7
40 - 59	1	25	1	25	1	25	1	20	3	23,1
≥ 60	3	75	3	75	3	75	3	60	9	69,2
Tổng	4	100	4	100	4	100	5	100	1	100
p	< 0,05									
Trung vị (max - min)	64 (32 - 85)									

Nhận xét: Bệnh nhân có tuổi từ 40 trở lên có tỷ lệ polyp ung thư 92,3%. Có 1 bệnh nhân 32 tuổi có polyp ≥ 30 mm chiếm tỷ lệ 7,7%.

Polyp ung thư có kích thước nhỏ nhất 10 mm, lớn nhất 50mm, trung bình 24,38 ± 9,87 mm. Tuổi trung bình của bệnh nhân có polyp ung thư là 64, bệnh nhân nhỏ tuổi nhất 32, lớn tuổi nhất 85 tuổi.

3.3 Mối liên quan giữa giới tính và kích thước polyp ung thư

Bảng 2: Mối liên quan giữa giới tính và kích thước polyp ung thư

Kích thước polyp	Giới tính	Nam		Nữ		Tổng	
		n	%	n	%	n	%
10 - 19mm		1	25	3	75	4	100
20 - 29mm		1	25	3	75	4	100
≥ 30mm		3	60	2	40	5	100
Tổng		5	38,5	8	61,5	13	100
p	< 0,05						

Nhận xét: Tỷ lệ nữ nhiều hơn nam, sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa polyp ung thư và giới tính với p < 0,05.

3.4 Đặc điểm mô bệnh học của polyp đại trực tràng

Bảng 3: Đặc điểm mô bệnh học của polyp đại trực tràng

Loại mô bệnh học	Số polyp (n)	Tỉ lệ (%)
Polyp tăng sản	58	16,0
Polyp Juvenile	10	2,8

Polyp Peutz - Jeghers	1	0,3
Polyp viêm	5	1,4
Polyp Hamartoma	3	0,8
U tuyến	267	73,8
U tuyến răng cưa	5	1,4
Ung thư biểu mô tuyến	13	3,6
Tổng	362	100

Nhận xét: Polyp tuyến chiếm tỷ lệ cao nhất 73,8%, ung thư biểu mô tuyến 3,6%.

3.5 Môi liên quan giữa mô bệnh học và kích thước polyp ung thư

Bảng 4: Môi liên quan giữa mô bệnh học và kích thước polyp ung thư

Kích thước polyp (mm)	Polyp ung thư/ polyp khảo sát theo kích thước (%)	Tỉ lệ ung thư (%)	p
-----------------------	---	-------------------	---

≤ 5	0/87	0,00	< 0,05
6 - 9	0/119	0,00	
10 - 19	4/101	3,96	
20 - 29	4/35	11,42	
≥ 30	5/20	25,0	
Tổng	13/362	3,59	

Nhận xét: Kích thước polyp càng lớn thì tỷ lệ ung thư càng cao: ≥ 30mm tỷ lệ ung thư 25%, 20 - 29mm 11,42%, 10 - 19mm 3,96%, < 10mm không có polyp ung thư.

3.6 Vị trí polyp theo kích thước trên nội soi

Bảng 5: Môi liên quan vị trí polyp và polyp ung thư theo kích thước

Vị trí polyp	Kích thước (mm)		10 - 19		20 - 29		≥ 30		Tổng	
	n	%	n	%	n	%	n	%	n	%
Manh tràng	0	0	0	0	1	20	1	7,7		
ĐT lên	1	25	0	0	0	0	1	7,7		
ĐT ngang	0	0	0	0	0	0	0	0		
ĐT xuống	0	0	0	0	0	0	0	0		
ĐT sigma	2	50	1	25	3	60	6	46,2		
Trực tràng	1	25	3	75	1	20	5	38,5		
Tổng	4	100	4	100	5	100	13	100		
p	< 0,05									

Nhận xét: ĐT - đại tràng. Polyp ung thư ở đại tràng sigma 46,2%, trực tràng 38,5% là những vị trí polyp bị ung thư nhiều nhất.

3.7 Hình dạng polyp ung thư theo kích thước

Bảng 6: Hình dạng polyp ung thư theo kích thước

Hình dạng polyp	Kích thước (mm)		10 - 19		20 - 29		≥ 30		Tổng	
	n	%	n	%	n	%	n	%	n	%
Không cuống	3	75	2	50	3	60	8	61,5		
Có cuống	1	25	1	25	1	20	3	23,1		
Nửa cuống	0	0	0	0	1	20	1	7,7		
Dạng phẳng	0	0	1	25	0	0	1	7,7		
Tổng	4	100	4	100	5	100	13	100		
p	< 0,05									

Nhận xét: Polyp ung thư không cuống có tỷ lệ cao nhất 61,5%.

3.8 Đặc điểm bề mặt polyp ung thư trên hình ảnh nội soi

Bảng 7: Đặc điểm bề mặt polyp ung thư theo kích thước

Bề mặt polyp	Kích thước (mm)		10 - 19		20 - 29		≥ 30		Tổng	
	n	%	n	%	n	%	n	%	n	%
Sần sùi	2	50	2	50	4	80	8	61,5		
Loét	1	25	2	50	1	20	4	30,8		
Xung huyết	1	25	0	0	0	0	1	7,7		
Nhẵn	0	0	0	0	0	0	0	0		
Tổng	4	100	4	100	5	100	13	100		
p	< 0,05									

Nhận xét: Polyp có bề mặt sần sùi chiếm 61,5%, loét 30,8%, polyp mặt nhẵn không có polyp nào bị ung thư.

IV. BÀN LUẬN

- Về tuổi của bệnh nhân bị polyp ung thư: Trong nghiên cứu của chúng tôi tuổi thấp nhất bị polyp ung thư là 32 tuổi, tuổi từ 40 trở lên chiếm 92,3%. Kết quả này cũng tương tự kết quả nghiên cứu của Quách Trọng Đức [4] là những người polyp đại trực tràng trên 40 tuổi chiếm

91%. Tuy nhiên, theo Hiệp Hội Ung thư Hoa Kỳ năm 2018 (the American Cancer Society (ACS))[5] khuyến cáo những bệnh nhân trên 45 tuổi nên tầm soát ung thư đại trực tràng vì phần lớn những ung thư đại trực tràng gặp ở người từ 45 tuổi trở lên. Trong nghiên cứu của chúng tôi có 1 bệnh nhân 32 tuổi có polyp ung thư kích

thước 4,5 cm, đây cũng là trường hợp bệnh nhân trẻ bị polyp ung thư, điều đó cũng có nghĩa rằng polyp có kích thước lớn có thể bị ung thư kể cả ở người trẻ tuổi.

Nghiên cứu của chúng tôi ghi nhận đại tràng sigma và trực tràng là 2 vị trí gặp nhiều polyp ung thư nhất với tỷ lệ 46,2% và 38,5%. Điều này cho thấy polyp ung thư thường gặp ở đại tràng sigma và trực tràng (84,7%) nhiều hơn vị trí khác, kết quả này cũng tương tự kết quả nghiên cứu của Quách Trọng Đức [4], với tỷ lệ ung thư đại tràng sigma – trực tràng 95%.

Về mặt đại thể trên nội soi, kết quả nghiên cứu của chúng tôi cho thấy tổn thương sùi, loét chiếm tỷ lệ 61,5% và 30,8% (tổng 92,3%), kết quả này cũng tương tự nghiên cứu của Quách Trọng Đức [4], tổn thương sùi loét chiếm 90% các loại tổn thương.

V. KẾT LUẬN

Polyp đại trực tràng được xem là tổn thương tiền ung thư, bệnh nhân \geq 40 tuổi nên nội soi

đại trực tràng tầm soát ung thư, nếu có polyp đặc biệt polyp \geq 10mm nên cắt. Polyp có bề mặt loét hoặc sùi chiếm tỷ lệ 92,3%.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Shussman N, Wexner SD.** Colorectal polyps and polyposis syndromes. *Gastroenterol Rep.* 2014;2(1):1-15.
2. **Øines M, Helsingen LM, Bretthauer M, Emilsson L.** Epidemiology and risk factors of colorectal polyps. *Best Pract Res Clin Gastroenterol.* 2017;31(4):419-424.
3. **Nguyễn Thúy V.** Tỷ lệ bệnh lý đại tràng của bệnh nhân Bệnh viện Hữu Nghị qua 6157 ca soi đại tràng. *Khoa Học Tiêu Hóa Việt Nam.* 2012;7(26):1735-1741.
4. **Quách Trọng Đ, Nguyễn Trường K.** Đặc điểm nội soi và mô bệnh học của ung thư đại trực tràng: nghiên cứu loạt ca trên 1033 trường hợp. *Học Thành Phố Hồ Chí Minh.* 2015;19(1):114-118.
5. **Wolf AMD, Fontham ETH, Church TR, et al.** Colorectal cancer screening for average-risk adults: 2018 guideline update from the American Cancer Society. *CA Cancer J Clin.* 2018;68(4):250-281.

ĐẶC ĐIỂM LÂM SÀNG, CẬN LÂM SÀNG CỦA HỘI CHỨNG NGỪNG THỞ TẮC NGHẼN KHI NGỦ Ở BỆNH NHÂN TRÊN 65 TUỔI

Lê Thị Hồng Thắm^{1,2}, Ngô Quý Châu^{1,2}

TÓM TẮT

Mục tiêu: Mô tả đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng của hội chứng ngưng thở tắc nghẽn khi ngủ ở bệnh nhân trên 65 tuổi tại Bệnh viện Bạch Mai. **Đối tượng và phương pháp:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang trên 65 tuổi chẩn đoán mắc hội chứng ngưng thở tắc nghẽn khi ngủ được điều trị tại Bệnh viện Bạch Mai từ năm 9/2020 đến năm 7/2021. **Kết quả.** Triệu chứng ban đêm gặp nhiều nhất là ngáy to khi ngủ chiếm 92.5% và thức giấc nhiều lần trong đêm chiếm 75%. Có tới 97.6% số bệnh nhân có Mallampati độ 3-4 (n=42). Chỉ số ngưng giảm thở trung bình cả hai giới là 32.63 (n=45), trong đó 73.3% số bệnh nhân có AHI từ trung bình – nặng. Bệnh nhân mắc hội chứng ngưng thở khi ngủ tắc nghẽn có có điểm Epworth > 10 và triệu chứng đau đầu buổi sáng chỉ chiếm tỉ lệ 20% trong tổng số 40 bệnh nhân. **Kết luận:** Đối tượng người > 65 tuổi mắc OSA có biểu hiện buồn ngủ ngày, hay đau đầu, khó chịu vào buổi sáng thập. Ngáy ngáy là triệu chứng ban đêm gặp nhiều nhất ở

bệnh nhân trên 65 tuổi có ngưng thở tắc nghẽn với chỉ số AHI từ trung bình đến nặng. Do vậy, cần đặc biệt khuyến cáo đối với những người có biểu hiện ngủ ngày nhằm phát hiện sớm hội chứng ngưng thở khi ngủ do tắc nghẽn và điều trị kịp thời cho người bệnh
Từ khóa: hội chứng ngưng thở khi ngủ, tắc nghẽn.

SUMMARY

THE CHARACTERISTICS OF OBSTRUCTIVE SLEEP APNEA SYNDROME IN PATIENTS AGED

Objective: To determine the physical exam and diagnostic testing in patients who suffer from obstructive sleep apnea syndrome aged over 65 years old in Bach mai Hospital. **Methods:** Forty-five patients who suffer from obstructive sleep apnea syndrome aged more than 65 years old agreed to participate in our study and performed polysomnography, from 9/2020 to 7/2021. **Results.** The most common nocturnal symptom is loud snoring when sleeping, reach to 92.5%, and waking up many times during the night, reach to 75%. 97.6% of patients had Mallampati grade 3-4 (n=42) with an average apnea index of both sexes of 32.63 (n=45). Of which 73.3% of patients have moderate to severe AHI. Patients with obstructive sleep apnea syndrome have Epworth score > 10 and morning headache symptoms only accounted for 20% (n=40). **Conclusion:** Subjects over 65 years of age with OSA presented with daytime drowsiness, headache, and low morning irritability.

¹Đại học Y Hà Nội

²Bệnh viện Đa khoa Tâm Anh

Chịu trách nhiệm chính: Ngô Quý Châu

Email: chaunq@tamanhhospital.vn

Ngày nhận bài: 4.8.2021

Ngày phản biện khoa học: 30.9.2021

Ngày duyệt bài: 6.10.2021